

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Thảo.
2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phần - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị B - sinh năm: 1981.

Địa chỉ: số 282/2A, đường Lê Lợi, khóm 3, Phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh V - sinh năm: 1980.

Địa chỉ: số 282/2A, đường Lê Lợi, khóm 3, Phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị B và anh V quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, chung sống vợ chồng vào năm 2003, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/6/2003 tại UBND Phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn anh V về sống bên nhà của chị B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh V không quan tâm lo lắng cho gia đình, anh V đi làm ít khi ở nhà, một tuần chỉ ở nhà 01 ngày chủ nhật, vợ chồng ít trao đổi nói chuyện với nhau, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm đối với anh V không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn. Chị B yêu cầu ly hôn anh V.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 03 con chung tên T - sinh ngày: 25/11/2003, H - sinh ngày: 18/11/2008 và A - sinh ngày: 01/9/2014, hiện 03 con chung đang sống với chị B và anh V. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được quyền nuôi 03 con chung. Chị B yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị B xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh V trình bày: Anh V thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian chung sống, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh V cho rằng nguyên nhân chủ yếu là về vấn đề kinh tế, tiền bạc. Anh V làm tiếp thị thường xuyên đi xa nên ít có thời gian quan tâm, lo lắng cho vợ con. Ngoài ra, thời gian gần đây do tình hình dịch bệnh nên công việc làm không ổn định, không có tiền đưa cho vợ lo cho gia đình. Từ đó, dẫn đến vợ chồng cãi vã, làm cho tình cảm giữa vợ chồng ngày càng tổn thương. Bản thân anh V theo đạo Thiên Chúa nên không thể ly hôn. Ngoài ra, về tình cảm anh V cũng còn thương chị B nên anh V không đồng ý ly hôn, anh V muốn vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống để chăm lo cho các con được đầy đủ hơn. Việc quyết định cho ly hôn hay không là do Tòa án quyết định, anh V không có ý kiến.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V thống nhất vợ chồng chung sống có 03 con chung tên T - sinh ngày: 25/11/2003, H - sinh ngày: 18/11/2008 và A - sinh ngày: 01/9/2014, hiện 03 con chung đang sống với anh V và chị B. Trường hợp ly hôn, anh V đồng ý giao 03 con chung cho chị B được quyền nuôi dưỡng, anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh V xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị B và anh V là cháu T và Cháu H trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị B.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt: Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Thanh B.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh V về việc nuôi con chung sau ly hôn cụ thể như sau: Chị B được quyền nuôi dưỡng 03 con chung tên T, H và A. Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định của pháp luật. Anh V có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom 03 con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị B khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hoàng V là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa: Bị đơn là anh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị B và anh V chung sống vợ chồng từ năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/6/2003 tại

UBND Phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh V được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị B và anh V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do cả hai không cảm thông, chia sẻ cho nhau trong công việc cũng như sinh hoạt gia đình. Chị B thì mong muốn anh V dành nhiều thời gian gần gũi, quan tâm, chăm sóc vợ và các con; những lúc con bị bệnh, chị B mong muốn có anh V bên cạnh để phụ, tiếp giúp và gánh vác cũng như chia sẻ với chị. Bản thân anh V là trụ cột gia đình, anh mong muốn cho vợ con có cuộc sống thoải mái hơn về vật chất nhưng anh không hiểu được vợ và các con đang rất cần anh dành nhiều thời gian, tình cảm hơn cho gia đình. Chính vì không thấu hiểu, thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên đã làm cho tình cảm giữa vợ chồng ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án cũng đã động viên, hàn gắn tình cảm, vợ chồng đoàn tụ cùng chăm lo cho các con nhưng chị B vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn anh V.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”*.

Tại phiên tòa, chị B xác định không còn tình cảm với anh V, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh V không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; chị B không thể tiếp tục chung sống với anh V; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị B cũng không chung sống với anh V. Chị B thiết tha yêu cầu xin được ly hôn anh V.

Về phía anh V: Không đồng ý ly hôn chị B, anh V cho rằng vẫn còn tình cảm với chị B; mâu thuẫn vợ chồng không có gì nghiêm trọng, nguyên nhân chủ yếu là về vấn đề kinh tế. Anh V mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ chung sống với nhau để cùng chăm lo cho các con nhưng anh V cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị B. Nếu anh V mong muốn hàn gắn tình cảm với chị B thì anh V đã sắp xếp công việc đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Ngoài ra, anh V thừa nhận là quá trình chung sống, ít dành thời gian quan tâm, lo lắng cho vợ và các con; bản thân anh V theo đạo Thiên Chúa nên không được phép ly hôn.

Từ những phân tích trên cho thấy; tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh V đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Nếu chị B và anh V đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa, chị B xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống với anh V, cuộc sống hôn nhân với anh V không có hạnh phúc, chị B không thể tiếp tục

chung sống với anh V. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị B cũng cương quyết không sống chung với anh V. Do đó, xét thấy việc chị B yêu cầu được ly hôn anh V là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Khi ly hôn, chị B có yêu cầu được quyền nuôi 03 con chung tên T - sinh ngày: 25/11/2003, H - sinh ngày: 18/11/2008 và A - sinh ngày: 01/9/2014 (*hiện 03 con chung đang sống với chị B và anh V*). Chị B yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định của pháp luật. Về phía anh V cũng đồng ý giao 03 con chung cho chị B được quyền nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị B và sự tự nguyện đồng ý cấp dưỡng và giao 03 con chung cho chị B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Thanh, cháu Hiền và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh V về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh V được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự, chị B và V cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B. Cho chị B ly hôn anh V.

2. Về nuôi con chung: Chị B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung tên T - sinh ngày: 25/11/2003, H - sinh ngày: 18/11/2008 và A - sinh ngày: 01/9/2014 (*hiện 03 con chung đang sống với chị B và anh V*).

- Anh V có trách nhiệm giao 03 con chung tên T - sinh ngày: 25/11/2003, H - sinh ngày: 18/11/2008 và A - sinh ngày: 01/9/2014 cho chị B nuôi dưỡng.

- Anh V có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi cháu, mỗi tháng bằng 50% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu T, H và cháu A đủ 18 tuổi.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị B nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị B đã nộp ngày 14/7/2020 theo biên lai thu số 0001198 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

- Anh V nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về cấp dưỡng nuôi con*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoàng V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường 3, TP Sa Đéc, ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Trần Quốc Danh